

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: **36/2023/DS-ST**

Ngày: 14-6-2023

*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và
hợp đồng góp hui”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đinh Thị Thanh Giang.

2. Bà Âu Thị Kiều Sương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Ngày 14 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2023/TLST- DS ngày 20 tháng 02 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXX-ST ngày 04 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Nguyễn Thị T, sinh năm 1950

Địa chỉ: ấp A, xã A1, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

** Bị đơn:* Dương Thị Thu H, sinh năm 1972.

Ngô Văn Q, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: ấp A, xã A1, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Bà và vợ chồng ông Ngô Văn Q, bà Dương Thị Thu H là hàng xóm nên bà H có tham gia các dây hui do bà làm chủ hui từ năm 2021. Bà H đã hốt hui các dây này nhưng không đóng hui chết, bà phải chèn đóng thế bà H. Hiện các dây hui đã mãn bà H còn nợ tiền hui chết của bà với số tiền là 143.500.000đồng, do tin tưởng nên bà không yêu cầu bà H viết giấy nợ và bà H cũng hứa hẹn qua tết sẽ trả tiền cho bà.

Ngày 28/4/2021, bà H có mượn của bà số tiền là 50.000.000đồng để bà H giao hui cho người khác vì bà H cũng là chủ hui của nhiều dây hui khác. Khi mượn, bà H

có viết giấy mượn, ký tên nhưng không ghi ngày trả tiền trong giấy mượn tiền mà chỉ nói miệng vài tháng sẽ trả.

Tổng cộng số tiền bà H còn nợ bà là 193.500.000đồng. Bà đã đến nhà yêu cầu bà H trả tiền cho bà nhưng bà H hẹn chứ không chịu trả.

Ngày 6/11/2022 âm lịch bà H tự tay viết giấy nợ tiền bà số tiền là 193.500.000 đồng và hứa qua tết sẽ trả lại cho bà số tiền trên, nhưng bà H quên không ký tên và đến nay đã qua tết mà bà H cũng không trả tiền cho bà.

Nay bà yêu cầu vợ chồng ông Q, bà H có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền 193.500.000đồng. Khi làm đơn khởi kiện bà có yêu cầu tính lãi nhưng tại tòa bà đồng ý không tính lãi cho bà H.

** Tại biên bản hòa giải ngày 15/3/2023 của Tòa án cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Dương Thị Thu H trình bày:*

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, bà thừa nhận có nợ bà T số tiền hui là 143.500.000 đồng, ngày 28/4/2021 bà có vay bà T 50.000.000 đồng. Tổng cộng 193.500.000 đồng bà có làm giấy nợ ngày 06/11/2022. Bà đồng ý trả số tiền này cho bà T. Tuy nhiên, bà xin không phải trả lãi vì bà nợ số tiền lớn và hoàn cảnh quá khó khăn.

Việc bà chơi hui và làm chủ hui là vì mong muốn kiếm thêm thu nhập để lo cho gia đình, nhưng sau đó bà bị hui viên giựt hui nhiều nên bà mượn tiền để xoay sở hui hàng chứ bà không dùng tiền để mua sắm hay tiêu xài gì. Ông Q là chồng bà, có biết việc bà làm chủ hui và tham gia chơi hui nhưng không biết cụ thể việc bà thiếu nợ ai, ông cũng không sử dụng số tiền này nhưng ông Q cũng đồng ý sẽ có trách nhiệm cùng bà trả nợ cho bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với bà Dương Thị Thu H và ông Ngô Văn Q thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui*”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bà Dương Thị Thu H và ông Ngô Văn Q cư trú tại ấp A, xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Ông Ngô Văn Q được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông Q là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp: đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi giữa bà Nguyễn Thị T đối với bà Dương Thị Thu H. Hợp đồng này có làm giấy nhận nợ ngày 06/11/2022 và được hai bên thừa nhận nên được xem là cơ sở pháp lý, từ cơ sở này đã xác định được tài sản mà bà Dương Thị Thu H có nợ bà Nguyễn Thị T số tiền 193.500.000đ (một trăm chín mươi ba triệu năm trăm nghìn) đồng. Qua hợp đồng này thấy rằng bà Dương Thị Thu H đã sử dụng hết quyền nhận tài sản nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm hợp đồng, bà T khởi kiện bà H vi phạm hợp đồng là có cơ sở nên được chấp nhận. Vì vậy phải buộc bà H thực hiện nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 193.500.000đ (một trăm chín mươi ba triệu năm trăm nghìn) đồng, là hoàn toàn đúng pháp luật. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu tính lãi.

[3] Về trách nhiệm liên đới: ông Ngô Văn Q là chồng của bà Dương Thị Thu H. Ông bà cưới vào năm 1992 và đã có con chung, từ khi bà H làm hụi cho đến thời điểm hiện tại ông bà vẫn sống chung gia đình. Giấy nhận nợ ngày 06/11/2022 của bà H làm cho bà T, tuy ông Q không có ký tên vào giấy nhận nợ, nhưng bà H cho rằng việc làm ăn của bà phát sinh thu nhập là để cùng lo cho gia đình, ông Q có biết và cùng hưởng lợi ích chung cùng nhau nên phải buộc trách nhiệm liên đới cùng nhau trả là phù hợp.

[4] Về án phí: do yêu cầu của bà T được chấp nhận nên bà H và ông Q phải chịu án phí theo Nghị quyết số: 326/2016/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể: 193.500.000 đồng x 5% = 9.675.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với bà Dương Thị Thu H và ông Ngô Văn Q.

2. Buộc bà Dương Thị Thu H và ông Ngô Văn Q cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 193.500.000đ(Một trăm chín mươi ba triệu năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%: bà Dương Thị Thu H và ông Ngô Văn Q liên đới chịu số tiền là 9.675.000đ (Chín triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

Hai bên đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a , 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng GĐKT TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trương Thị Tiến